

Số: /QĐ-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt Đề cương nhiệm vụ xây dựng phương án
Quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ
Tây Sơn giai đoạn 2021-2030**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ
Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về Quản lý rừng bền vững;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số
266/BC-SNN ngày 13/11/2020.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương nhiệm vụ xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn giai đoạn 2021-2030 với những nội dung cụ thể kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND huyện Tây Sơn, Giám đốc Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh Nguyễn Tuấn Thanh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K13 (12b).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

**ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ
XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG CỦA BAN
QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ TÂY SƠN, GIAI ĐOẠN 2021-2030**
(Ban hành kèm theo Quyết định số / của Chủ tịch UBND tỉnh)

Phần 1: MỞ ĐẦU

1. Khái quát chung về Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn

Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn được chuyển đổi từ Lâm trường Tây Sơn theo Quyết định số 02/2002/QĐ-UB ngày 17/01/2002 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đổi lâm trường Tây Sơn thành Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn. Thực hiện Quyết định số 02/2002/QĐ-UB ngày 17/01/2002 của UBND tỉnh Bình Định, ngày 06/02/2002 UBND huyện Tây Sơn ban hành Quyết định số 106/2002/QĐ-UB về việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tây Sơn, là đơn vị sự nghiệp kinh tế có thu thuộc UBND huyện Tây Sơn, được sử dụng con dấu riêng và mở tài khoản tại kho bạc Nhà nước huyện Tây Sơn.

Chức năng của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn là quản lý, bảo vệ, sử dụng, phát triển rừng theo phương án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Phối hợp với UBND các xã có rừng phòng hộ huy động hộ dân, cộng đồng thôn tham gia bảo vệ rừng tự nhiên, trồng và chăm sóc rừng trồng phòng hộ.

Trong suốt quá trình hoạt động, đơn vị đã đạt được những kết quả nhất định trong công tác bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng như: Bảo vệ tốt diện tích rừng được giao, thực hiện tốt công tác trồng rừng được triển khai như: Chương trình 327, Dự án trồng mới 5 triệu héc ta rừng, Dự án Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015, Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020; tổ chức khai thác sử dụng rừng có hiệu quả.

Ngoài ra, Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn còn được UBND tỉnh giao rừng sản xuất tại tiểu khu 251, xã Bình Tân. Lợi nhuận trong quá trình kinh doanh bù vào chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị, góp phần giảm kinh phí do ngân sách nhà nước phải cấp cho đơn vị.

2. Sự cần thiết phải lập phương án

Quản lý rừng bền vững là phương thức quản trị rừng bảo đảm đạt được các mục tiêu bảo vệ, phát triển và nâng cao giá trị rừng, cải thiện sinh kế, bảo vệ môi trường, góp phần giữ vững quốc phòng, an ninh. Do vậy, việc xây dựng Phương án Quản lý rừng bền vững đã trở thành yêu cầu bắt buộc đối với các tổ chức được giao quản lý sử dụng rừng.

Trong thời gian gần đây, quản lý rừng bền vững đã trở thành một nguyên tắc đối với quản lý kinh doanh rừng đồng thời cũng là tiêu chuẩn mà quản lý kinh doanh rừng phải đạt tới. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp. Trong đó, Thủ tướng yêu cầu các chủ rừng phải xây dựng

Phương án quản lý rừng bền vững. Nội dung thực hiện theo Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững. Đồng thời xây dựng phương án rừng bền vững nhằm cụ thể hóa các mục tiêu phát triển, đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các chủ rừng.

Dự án bảo vệ phát triển rừng phòng hộ thuộc chương trình mục tiêu quốc gia của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn đến năm 2020 là hết hạn. Để tiếp tục quản lý, bảo vệ, bảo tồn, phát triển và sử dụng rừng đúng theo các quy định hiện hành. Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn tiến hành ***“Xây dựng phương án Quản lý rừng bền vững của Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn giai đoạn 2021 - 2030”*** trình cấp thẩm quyền phê duyệt để đơn vị có cơ sở thực hiện cho những năm đến.

Chương 1

CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

1. Văn bản quy phạm pháp luật của trung ương

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15 tháng 11 năm 2017.
- Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23 tháng 06 năm 2014.
- Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13, ngày 18 tháng 6 năm 2012.
- Luật Đất đai số 45/2013/QH13, ngày 29 tháng 11 năm 2013.
- Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QHXII ngày 13/11/2008.
- Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2017 của Chính phủ Ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính phủ Quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp nhà nước.
- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ Quy định về Kiểm lâm và lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng.
- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ Về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và thực thi Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp.
- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án quản lý rừng và chứng chỉ rừng.

- Quyết định số 4691/QĐ-BNN-TCLN ngày 27/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt ban hành kế hoạch thực hiện đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng.
- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về quản lý rừng bền vững.
- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về các biện pháp lâm sinh.
- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng.
- Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.
- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT, ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định danh mục loài cây trồng chính; công nhận giống và nguồn giống; quản lý vật liệu giống cây trồng lâm nghiệp chính.
- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phòng cháy và chữa cháy rừng.
- Quyết định số 487/QĐ-BNN-TCCB ngày 26/02/2007 của Bộ NN&PTNT Về việc ban hành định mức lao động trong công tác điều tra, quy hoạch rừng.
- Quyết định số 690/QĐ-BNN-TCCB ngày 01/4/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành định mức kinh tế kỹ thuật điều tra, kiểm kê rừng giai đoạn 2012-2015.
- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 06/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng.
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
- Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.

2. Văn bản của tỉnh

- Quyết định số 2683/QĐ-UBND, ngày 03/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Bình Định theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.
- Quyết định số 4920/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả kiểm kê rừng tỉnh Bình Định.
- Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh 3 loại rừng giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 1562/QĐ-UBND ngày 27/4/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc Phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2019.

- Quyết định số 4857/QĐ-UBND ngày 27/12/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt suất đầu tư trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng, bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 01/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định mức hưởng lợi của các hộ gia đình, cá nhân khi nhận trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng phòng hộ trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc điều chỉnh mức khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 2440/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2025, định hướng đến năm 2035.

- Quyết định số 1701/QĐ-UBND ngày 17/5/2017 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành kế hoạch thực hiện chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 5279/UBND-KT ngày 06/08/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc thực hiện xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững.

- Văn bản số 2031/SNN-KL ngày 04/9/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững.

II. CAM KẾT QUỐC TẾ

1. Công ước về buôn bán quốc tế về các giống loài động thực vật có nguy cơ bị đe dọa, 1973 (20/1/1994).

2. Công ước của Liên Hợp Quốc về sự biến đổi môi trường (26/8/1980).

3. Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu, 1992 (16/11/1994).

4. Công ước về Đa dạng sinh học, 1992 (16/11/1994).

5. Công ước quốc tế về buôn bán các loại động vật, thực vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng (CITES).

6. Các Công ước về Người lao động và An toàn vệ sinh lao động của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO).

7. Công ước về các chất ô nhiễm hữu cơ khi phân hủy POP 2001 (Công ước Stockholm).

8. Thỏa thuận Quốc tế về thương mại gỗ nhiệt đới (ITTA).

9. Hiệp định Thương mại Tự do (FTA, TTP).

III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG

1. Tài liệu dự án, đề án, quyết định thành lập, giao nhiệm vụ cho chủ rừng

- Quyết định số 02/2002/QĐ-UB ngày 17/01/2002 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đổi lâm trường Tây Sơn thành Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn.

- Quyết định số 106/2002/QĐ-UB ngày 06/02/2002 của UBND huyện Tây Sơn về việc thành lập Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện Tây Sơn.

2. Các tài liệu điều tra chuyên đề của khu rừng

- Tài liệu điều tra, thu thập số liệu điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.
- Tài liệu điều tra ô tiêu chuẩn thực hiện năm 2020.
- Tài liệu điều tra thực vật rừng, động vật rừng, lâm sản ngoài gỗ và phân tích, đánh giá đa dạng sinh học.
- Tài liệu đánh giá khu rừng có giá trị bảo tồn cao (HCVF).
- Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh các năm gần đây.
- Tài liệu thực hiện các công trình lâm sinh, công trình bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.
- Tài liệu thực hiện các dự án, chương trình: Chương trình 327, Dự án trồng mới 5 triệu héc ta rừng, Dự án Bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011-2015, Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.

3. Bản đồ

- Bản đồ theo dõi diễn biến tài nguyên rừng qua các năm.
- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất của Ban Quản lý.
- Bản đồ kiểm kê rừng năm 2016.
- Bản đồ kiểm kê đất đai năm 2014.
- Bản đồ kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch loại 3 loại rừng.
- Các loại bản đồ khác có liên quan: trồng rừng, khai thác rừng trồng, khoán bảo vệ rừng.

4. Quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh

- Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 24/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định phê duyệt Quy hoạch Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2011 – 2020.

- Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 28/02/2008 của UBND tỉnh Bình Định, về việc phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 782/QĐ-UBND ngày 09/11/2009 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 358/QĐ-UBND ngày 04/8/2010 của UBND tỉnh Bình Định về việc chuyển đất lâm nghiệp dự phòng, đất nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng và diện tích đất nương rẫy phân bổ trên đất đồi núi dốc nay đã trồng rừng sang quy hoạch đất lâm nghiệp.

- Quyết định số 2937/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt kết quả điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Quyết định số 4854/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh Bình Định phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bình Định giai đoạn 2018-2025, định hướng đến năm 2030.

5. Số liệu hiện trạng tài nguyên rừng, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị

- Kết quả theo dõi diễn biến rừng qua các năm.
- Kết quả thực hiện Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2015.
- Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.
- Kế hoạch phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2021-2025.

IV. TÊN, PHẠM VI VÀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

1. Tên phương án

a) Tên phương án: “Phương án Quản lý rừng bền vững của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn, giai đoạn 2021-2030”.

b) Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Tây Sơn

c) Đại diện chủ đầu tư: Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn.

2. Phạm vi

- Phạm vi: Toàn bộ đất rừng được giao quản lý của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn trên địa bàn 06 xã, gồm: Bình Nghi, Tây Xuân, Tây Phú, Vĩnh An, Tây Giang và Bình Tân, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

- Quy mô diện tích: 20.668,50 ha, bao gồm: đất lâm nghiệp (rừng phòng hộ 20.277,79 ha; rừng sản xuất 302,61 ha) và đất ngoài lâm nghiệp 88,10 ha.

3. Nhiệm vụ

3.1. Điều tra, đánh giá thực trạng tài nguyên thiên nhiên và điều kiện kinh tế xã hội có liên quan

- Điều tra, bổ sung các yếu tố về tự nhiên, kinh tế, xã hội có tác động đến các hoạt động của đơn vị.

- Điều tra, đánh giá về hiện trạng các loại rừng; tài nguyên thực vật rừng, động vật rừng (*các loài phổ biến, các loài quý hiếm, các loài đặc hữu*); xác định khu rừng có giá trị bảo tồn cao.

- Điều tra, đánh giá về tiềm năng du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng (*đặc điểm về thời tiết khí hậu; các cảnh quan thiên nhiên nổi bật; sản phẩm đặc trưng...*)

- Điều tra, đánh giá thực trạng về kết cấu hạ tầng nhất là giao thông, thông tin liên lạc và hạ tầng kỹ thuật khác;

- Đánh giá xu hướng thị trường có ảnh hưởng, tác động đến hoạt động của chủ rừng.

3.2. Xác định các hoạt động quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng rừng; giải pháp và tổ chức thực hiện

- Xác định mục tiêu, phạm vi quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030;
- Đề xuất và lập kế hoạch hoạt động của các chương trình, dự án và các giải pháp và tổ chức thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

4. Nội dung, phương pháp điều tra thu thập số liệu để xây dựng phương án

- Về Điều tra, đánh giá phân loại tài nguyên rừng, đất rừng áp dụng theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng trên cơ sở điều tra khoanh vẽ bổ sung số liệu nguồn kết quả theo dõi diễn biến rừng và đất quy hoạch phát triển rừng Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn tính đến hết ngày 31/12/2019. Đo đếm trữ lượng tiến hành lập OTC điển hình.

- Về phương pháp xây dựng phương án thực hiện theo Điều 6 và Điều 7, Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về phương án quản lý rừng bền vững, cụ thể:

4.1 Công tác chuẩn bị, thu thập tất cả các hồ sơ, tài liệu có liên quan

- Thu thập các tài liệu liên quan như: Văn bản hướng dẫn liên quan tới xây dựng phương án; quyết định thành lập đơn vị; quyết định giao đất, cho thuê đất; quyết định quy hoạch 3 loại rừng; bản đồ các loại,...

- Thu thập về tình hình sản xuất kinh doanh của đơn vị trong 3 năm gần nhất, các dự án đã và đang triển khai,...

- Xây dựng đề cương dự toán, thống nhất biện pháp kỹ thuật điều tra thu thập, vật tư văn phòng phẩm, dụng cụ, máy móc thiết bị điều tra, chuẩn bị đời sống kỹ thuật để triển khai,...

- Chồng xếp các loại bản đồ để thực hiện công tác điều tra hiện trường.

4.2 Công tác ngoại nghiệp

a) Thu thập tư liệu hiện có tại các địa phương, đơn vị

- Thu thập số liệu về địa lý, khí tượng, thủy văn, dân số, dân tộc, lao động, dân trí,...

- Hiện trạng giao thông.
- Cơ sở vật chất của Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn.
- Hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng rừng, quy hoạch 3 loại rừng mới nhất.
- Thu thập số liệu về danh mục loài thực vật, động vật rừng trong khu rừng phòng hộ.
- Thu thập số liệu về danh mục loài thực vật, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm trong khu rừng phòng hộ.
- Quyết định chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn.
- Phạm vi ranh giới, diện tích các loại đất, loại rừng được giao quản lý (đã cấp GCN QSDĐ, tạm giao, thu hồi,...).
- Diện tích cung ứng dịch vụ môi trường rừng, các đơn vị chi trả, số tiền được chi trả năm 2017, 2018, 2019. Trong đó chi trả cho người nhận khoán bảo vệ rừng, chi trả cho các hoạt động của Ban quản lý.
- Thu thập thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm... hiện có của đơn vị theo các nguồn vốn đầu tư (*Nhà điều hành; các trạm bảo vệ rừng; phương tiện, thiết bị hỗ trợ....*)
- Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện:
 - + Các hồ sơ khoán bảo vệ rừng, trồng rừng,... tại Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn.
 - + Khoán bảo vệ rừng: diện tích khoán bảo vệ rừng, thời gian khoán, số hộ nhận khoán. Nguồn vốn: dự án bảo vệ phát triển rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, Dự án Kfw6,...
 - + Các loại mốc, bảng tuyên truyền, bảng quy ước bảo vệ rừng: Số lượng cụ thể từng loại.
 - + Công trình bảo vệ rừng: Đường tuần tra bảo vệ, băng cản lửa, chòi canh lửa,....
 - + Khoanh nuôi phục hồi rừng: diện tích, nguồn vốn,...
- Thu thập kết quả hoạt động của Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn gồm kết quả phân loại đơn vị; các nguồn thu từ ngân sách nhà nước, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng; các nguồn khác; các mục chi lương, chi cho các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng...chi khác theo quy định,...

b) Điều tra hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng các loại rừng

- Căn cứ vào bản đồ theo dõi diễn biến rừng, kiểm tra thực địa đối chiếu so sánh về phân loại rừng, Điều tra, khoanh vẽ bổ sung hiện trạng rừng những vị trí sai khác: Sử dụng phương pháp khoanh vẽ theo dốc đối diện kết hợp với máy định vị GPS. Phân loại trạng thái rừng và đất chưa có rừng theo Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT.

- Khối lượng: Kiểm tra toàn bộ các loại đất, loại rừng thuộc phạm vi của Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn; điều chỉnh, bổ sung vùng có biến động.

- Điều tra tài nguyên rừng trên OTC rừng tự nhiên theo kiểu ô điển hình diện tích OTC từ 500m² đến 1000m², đối với những diện tích rừng tự nhiên nhỏ hơn 2000 ha; Tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,1%, theo đó:

+ Nhiệm vụ xác định tỉ lệ rút mẫu 0,01%, diện tích lấy mẫu tương đương khoảng $17.333,09 \text{ ha} \times 0,01\% = 1,733 \text{ ha}$ (lấy tròn 1,7 ha).

+ OTC có diện tích 500m²: tương ứng 34 OTC.

- Điều tra tài nguyên rừng trên OTC rừng trồng theo từng trạng thái rừng (loài cây cấp tuổi), diện tích từ 100m² đến 500m² đối với rừng trồng; Tỷ lệ diện tích rút mẫu điều tra từ 0,01% đến 0,05%, theo đó:

+ Nhiệm vụ xác định tỉ lệ rút mẫu 0,03%, diện tích lấy mẫu tương đương khoảng $2.292,16 \text{ ha} \times 0,03\% = 0,6876 \text{ ha}$ (lấy tròn 0,70 ha).

+ OTC có diện tích 500m²: tương ứng 14 OTC.

- Điều tra tái sinh rừng tự nhiên trên OTS dạng bản trên diện tích đất có rừng tự nhiên, trên diện tích đất chưa có rừng (trạng thái DT2, DT1 và đất khác) làm cơ sở để đánh giá mật độ, tổ thành, chất lượng, phân bố tái sinh cùng với năng lực tài chính, kỹ thuật của đơn vị để đề xuất các biện pháp kỹ thuật lâm sinh tác động phù hợp với Điều 18 của Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT, theo đó:

+ Nhiệm vụ xác định tỉ lệ rút mẫu 0,005%, diện tích lấy mẫu tương đương khoảng $948,85 \text{ ha} \times 0,005\% = 0,0474 \text{ ha}$ (lấy tròn 0,0475 ha).

+ OTC có diện tích 25m²: tương ứng 19 OTC.

c) Điều tra giá trị về cảnh quan để đánh giá, xác định tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.

- Điều tra, khảo sát các tuyến dã ngoại, các cảnh quan thiên nhiên có giá trị để phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí (*các thác nước; các bến bãi có giá trị về du lịch sinh thái trong khu phòng hộ; các khu rừng nguyên sinh có nhiều cây cổ thụ có địa hình phù hợp, có khả năng tiếp cận thuận lợi nằm trong quy hoạch chung của huyện về phát triển du lịch ...*)

- Xác định các tuyến khám phá thiên nhiên; các điểm Picnic ngắm cảnh, tắm suối kết hợp tham quan các địa danh, khu di tích, địa danh lịch sử như Hầm Hô, Đàn Tế trời,... Các tuyến phải được khảo sát theo hướng tuyến mà khả năng tiếp cận thuận lợi nhất;

- Các tuyến phải được đo đạc bằng GPS, các điểm đến phải được lưu giữ bằng hình ảnh.

d) Khảo sát các điểm dự kiến xây dựng công trình du lịch sinh thái

- Khảo sát để dự kiến bố trí quy hoạch khu vực dịch vụ (*khu đón tiếp, quảng trường, khu nhà hàng và dịch vụ ăn uống; khu nhà nghỉ dưỡng...*);

- Khảo sát dự kiến xây dựng các điểm phục vụ dã ngoại, leo núi, khám phá rừng tự nhiên, Picnic ngắm cảnh, tắm suối....

- Chỉ được xây dựng các công trình ở những nơi đất trống, trảng cỏ, đất cây bụi không có khả năng tự phục hồi rừng. Các khu vực dự kiến xây dựng phải được đo đạc xác định phạm vi, ranh giới bằng GPS.

e) Khảo sát các đối tượng đất rừng cần tác động các biện pháp lâm sinh

- Các đối tượng là rừng tự nhiên nghèo, nghèo kiệt và diện tích rừng chưa có trữ lượng; rừng trồng và đất chưa có rừng: 6.398,33 ha, trong đó: dự kiến khối lượng rừng tự nhiên khoán bảo vệ (30%) là 4.106,17 ha, rừng trồng: 2.292,16 ha;

- Căn cứ vào bản đồ kết quả theo dõi diễn biến rừng 2019. Ra thực địa đối chiếu so sánh để xác định trạng thái rừng đúng giữa bản đồ và thực địa;

- Sử dụng máy GPS để điều chỉnh lại ranh giới các lô trạng thái có sự sai khác nếu có (*điều chỉnh hình dạng lô, trạng thái rừng*) cho phù hợp với thực tế;

f) Về động vật rừng

Điều tra để bổ sung cho danh mục các loài động vật rừng. Tuyến điều tra quan sát cần xác định trước trên bản đồ. Tuyến thường được bố trí đi qua các sinh cảnh rừng và độ cao khác nhau. Tuyến có thể đi theo các đường giồng hoặc đi theo các đường mòn có sẵn trong rừng. Xác định loài bằng ống nhòm, tiếng kêu; dấu chân, vết ủi, vết ăn, phân, thức ăn thừa, hang ổ cũng như tổ của chúng. Khi có điều kiện cho phép, tiến hành thu thập và chụp ảnh.

g) Về thực vật rừng

Điều tra để bổ sung cho danh mục các loài thực vật rừng. Tuyến điều tra được thiết kế phải đi qua các dạng địa hình, đai cao và từng kiểu rừng phân bố trong khu bảo tồn. Điều tra sự phân bố và lập danh mục của các loài thực vật trong khu bảo tồn. Đối với những loài cây quý, hiếm, có giá trị cao về khoa học và bảo tồn nguồn gen, loài cây đặc hữu phải xác định vị trí để xây dựng bản đồ phân bố. Lưu hình ảnh; lấy mẫu tiêu bản cho các loài thực vật của Ngành hạt trần, loài cây quý, hiếm, loài cây đặc hữu trong khu bảo tồn.

h) Về lâm sản ngoài gỗ

Điều tra lâm sản ngoài gỗ trên tuyến, đo đếm, xác định các loại lâm sản ngoài gỗ bắt gặp trên tuyến điều tra; ghi chép vào phiếu và thu thập tiêu bản.

i) Các vấn đề liên quan khác

- Điều tra xác định các khu rừng bảo vệ nguồn cung cấp nước sinh hoạt;

- Sử dụng bản đồ nền địa hình có hệ thống sông suối. Xác định vị trí đầu nối hệ thống dẫn nước để xác định ranh giới lưu vực cung cấp nước sinh hoạt.

Chương 2

ĐẶC ĐIỂM BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ TÂY SƠN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị: Ban Quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn
2. Địa chỉ: thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định;
3. Điện thoại: 02562227125. Email: rungphonghotayson@gmail.com
4. Quyết định thành lập, chức năng, nhiệm vụ
5. Cơ cấu tổ chức của đơn vị
6. Nhận xét đánh giá đặc điểm chung của đơn vị.

II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG

1. Vị trí địa lý, địa hình

a) *Vị trí*: vị trí của rừng và đất rừng thuộc địa phận của các phường, xã, thị xã. Vị trí so với các trung tâm quan trọng như thành phố, thị xã; đường quốc lộ....

b) *Phạm vi ranh giới*: giới cận của các khu rừng.

c) *Quy mô diện tích quản lý*

- Đất rừng phòng hộ;
- Đất rừng sản xuất;
- Đất khác.

d) *Địa hình*

- Loại địa hình;
- Độ dốc (độ dốc trung bình; độ dốc cao nhất);
- Độ cao (độ cao trung bình, độ cao cao nhất).

2. Khí hậu

- Nhiệt độ bình quân năm, nhiệt độ bình quân tháng nóng nhất, tháng lạnh nhất; nhiệt độ cao nhất, thấp nhất;
- Độ ẩm trung bình theo mùa;
- Lượng mưa trung bình hàng năm, các tháng mùa mưa, các tháng mùa khô;
- Các hướng gió chính, thời gian xuất hiện.
- Các yếu tố khí hậu cực đoan như bão, sương muối, gió nóng, gió khô (nếu có), số lần, thời gian thường xuất hiện.

3. Thủy văn

- Mạng lưới sông suối, hồ, đập;
- Tình trạng lũ lụt, sạt lở đất cần đề phòng.

4. Địa chất và thổ nhưỡng

Phân loại đất và các đặc tính chính của từng loại: diện tích, khu vực phân bố, đá mẹ, độ dày tầng đất, đá lẫn, thành phần cơ giới, thực bì chỉ thị...;

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

III. DÂN SINH, KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Dân số, dân tộc, lao động

- Dân số, dân tộc, lao động;
- Trình độ dân trí, trình độ canh tác, tình hình an ninh,...

2. Kinh tế-xã hội

- Cơ cấu kinh tế; những ngành nghề chính; thu nhập đời sống của dân cư; tỷ lệ hộ nghèo; phát triển nông nghiệp, thương mại và dịch vụ;
- Tình hình khai thác lâm sản, sản phẩm chính, giá cả, tình hình tiêu thụ...;
- Thực trạng giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa.

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

IV. GIAO THÔNG, THÔNG TIN LIÊN LẠC

1. Hệ thống giao thông trong khu vực

- Hệ thống giao thông đường bộ
- Hệ thống giao thông đường thủy

2. Thông tin liên lạc

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

V. DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Những loại dịch vụ môi trường rừng đang triển khai, thực hiện

2. Đánh giá tiềm năng cung cấp các loại dịch vụ môi trường

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

VI. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Thống kê hiện trạng sử dụng đất của đơn vị chủ rừng

- Đất Nông nghiệp
- Đất phi nông nghiệp

c) Đất chưa sử dụng

2. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, tình hình quản lý, sử dụng đất

- Diện tích đã được giao đất, giao rừng gắn với cấp Quyền sử dụng đất;
- Diện tích tạm giao đất, giao rừng chưa cấp Quyền sử dụng đất;
- Sự biến động về sử dụng đất trong những năm gần đây; tình trạng tranh chấp, lấn chiếm đất đai, thuê đất và liên kết sản xuất.

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn; nội dung cần quan tâm, chú ý khi xây dựng và thực hiện phương án.

VII. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng

a) Phân theo mục đích sử dụng

- Đất rừng phòng hộ;
- Đất rừng sản xuất.

b) Phân theo nguồn gốc hình thành

- Rừng tự nhiên (rừng nguyên sinh, rừng thứ sinh);
- Rừng trồng (loài cây, cấp tuổi).

c) Phân theo điều kiện lập địa

- Rừng trên núi đất;
- Rừng trên núi đá;
- Rừng trên đất cát ven biển.

d) Phân theo loài cây

- Rừng gỗ tự nhiên;
- Rừng tre nứa;
- Rừng hỗn giao gỗ và tre nứa;

đ) Phân theo trữ lượng

- Rừng tự nhiên giàu;
- Rừng tự nhiên trung bình;
- Rừng tự nhiên nghèo;
- Rừng tự nhiên nghèo kiệt;
- Rừng tự nhiên chưa có trữ lượng.

e) Diện tích chưa có rừng

- Diện tích trồng chưa thành rừng;
- Diện tích khoanh nuôi tái sinh chưa thành rừng;

- Diện tích chưa có rừng khác.

2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng

- Rừng tự nhiên;
- Rừng trồng.

3. Hiện trạng phân bố lâm sản ngoài gỗ

- Các loại lâm sản ngoài gỗ;
- Phân bố, ước tính trữ lượng.

Nhận xét: tình hình tài nguyên có những ảnh hưởng thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

VIII. HIỆN TRẠNG VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

1. Thống kê số lượng, diện tích văn phòng, nhà, xưởng, trạm... hiện có của đơn vị theo các nguồn vốn đầu tư

- Văn phòng làm việc;
- Các Trạm Bảo vệ rừng;
- Vườn ươm cây giống,...

2. Thống kê số lượng phương tiện, thiết bị...

3. Kết quả các chương trình, dự án đã thực hiện

- Dự án Bảo vệ và Phát triển rừng giai đoạn 2011-2015;
- Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020,...

Nhận xét: thực trạng về cơ sở hạ tầng có những thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý và các hoạt động của đơn vị. Phân tích kết quả đạt được; những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân của các dự án thực hiện giai đoạn 2010-2020.

IX. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Quản lý rừng tự nhiên

2. Quản lý rừng trồng

3. Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và sâu bệnh gây hại rừng

- Phân tích, đánh giá sự phù hợp về vị trí, địa điểm các trạm bảo vệ rừng;
- Lực lượng bảo vệ chuyên trách của Ban Quản lý so với quy định; phân tích đánh giá công tác phối hợp trong thực thi các biện pháp bảo vệ rừng;

- Phân tích đánh giá công tác phân định ranh giới quản lý ngoài thực địa: mốc ranh giới, bảng hiệu, bảng tuyên truyền...; chế độ, thời gian biểu, phân chia khu vực cho các trạm bảo vệ;

- Trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ rừng so với nhu cầu;

- Đánh giá hệ thống đường tuần tra bảo vệ rừng; hệ thống phòng cháy rừng;

- Diện tích khoán bảo vệ rừng đến người dân; diện tích do lực lượng chuyên trách của Ban trực tiếp quản lý bảo vệ;

- Phân tích, đánh giá tình trạng khai thác gỗ, lấn chiếm đất lâm nghiệp.

4. Quản lý lâm sản ngoài gỗ

- Sản phẩm lâm sản ngoài gỗ; phân bố; khả năng khai thác;

- Hình thức quản lý: khai thác, tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch, có tổ chức hay tự phát.

5. Quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Thành phần thực vật rừng

b) Thành phần động vật rừng

6. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

Nhận xét: những ưu điểm, tồn tại trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

X. XÁC ĐỊNH CHỨC NĂNG PHÒNG HỘ CỦA RỪNG

Căn cứ tiêu chí rừng phòng hộ, xác định chức năng phòng hộ của rừng và xác định diện tích của từng loại rừng được giao, gồm:

1. Diện tích rừng phòng hộ đầu nguồn...ha (rừng tự nhiên...ha; rừng trồng...ha)

2. Diện tích rừng bảo vệ nguồn nước của cộng đồng dân cư... ha (rừng tự nhiên ...ha; rừng trồng...ha)

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn.

XI. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KÈ

Nhận xét: những thuận lợi, khó khăn.

XII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CÔNG ÍCH CỦA CHỦ RỪNG TRONG BA (03) NĂM LIÊN TIẾP LIỀN KÈ

1. Về thực hiện phân loại đơn vị sự nghiệp công

2. Hạng mục các nguồn kinh phí của chủ rừng: nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn thu từ phí, lệ phí, nguồn thu từ liên kết, liên doanh, nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng, nguồn thu từ nghiên cứu khoa học, nguồn thu khác...

3. Hạng mục các nguồn chi của chủ rừng: chi lương, chi cho các hoạt động bảo vệ, phát triển rừng...chi khác theo quy định.

Chương 3

MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN

I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG

1. Mục tiêu chung

- Quản lý, phát triển và sử dụng bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Hạn chế đến mức thấp nhất những mâu thuẫn trong mối quan hệ giữa kinh tế, môi trường, xã hội;

- Đảm bảo hài hoà giữa lợi ích của Nhà nước với lợi ích của cộng đồng, giảm thiểu các tác động tiêu cực của cộng đồng tới tài nguyên rừng; góp phần phát triển kinh tế-xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu về kinh tế-xã hội

- Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng; tạo việc làm góp phần ổn định đời sống của người dân thông qua các chương trình, dự án thực hiện trong phạm vi quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ;

- Tăng giá trị dịch vụ môi trường rừng.

b) Mục tiêu về môi trường

- Bảo vệ, phát triển và phục hồi hệ sinh thái rừng nhằm nâng cao chất lượng rừng để phát huy tốt khả năng phòng hộ đầu nguồn, phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ sản xuất nông nghiệp, bảo vệ các hồ đập và các công trình thủy lợi, công trình dân sinh...

- Góp phần tăng độ che phủ rừng của tỉnh.

II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2020

- Đất Nông nghiệp (*đất lâm nghiệp; đất sản xuất nông nghiệp; đất mặt nước; đất nông nghiệp khác*);

- Đất phi nông nghiệp (*đất ở; đất chuyên dùng*);

- Đất chưa sử dụng (*đất đồi núi chưa sử dụng; đất bằng chưa sử dụng; đất chưa sử dụng khác*).

2. Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng giữa các loại đất

- Cơ sở chuyển mục đích sử dụng giữa các loại đất;

- Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2030

TT	Loại đất loại rừng	Hiện trạng 2020		Kế hoạch đến 2030		Chênh lệch (ha)
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	
	<u>Tổng</u>					
1	Đất nông nghiệp					
1.1	Đất lâm nghiệp					
1.2	Đất sản xuất nông nghiệp					
1.3	Đất mặt nước					
1.4	Đất nông nghiệp khác					
2	Đất phi nông nghiệp					
2.1	Đất ở					
2.2	Đất chuyên dùng					
3	Đất chưa sử dụng					
3.1	Đất bằng chưa sử dụng					
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng					
3.3	Đất chưa sử dụng khác					

III. XÁC ĐỊNH KHU VỰC LOẠI TRỪ VÀ KHU VỰC TỔ CHỨC SẢN XUẤT, KINH DOANH RỪNG

1. Khu vực loại trừ (khu vực rừng cần đưa vào quản lý, bảo vệ, hạn chế hoặc không khai thác lâm sản).

2. Khu vực rừng đã được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

3. Khu vực rừng, đất lâm nghiệp tổ chức sản xuất kinh doanh rừng hướng đến cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

IV. KẾ HOẠCH KHOÁN BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG CHO HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN, CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ TẠI CHỖ

1. Kế hoạch khoán bảo vệ và phát triển rừng

a) Khoán ổn định

b) Khoán công việc, dịch vụ

2. Kế hoạch, nội dung thực hiện đồng quản lý

V. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG

1. Kế hoạch bảo vệ rừng

a) Bảo vệ rừng: bảo vệ toàn bộ diện tích rừng hiện có: ha, trong đó:

- Rừng phòng hộ: ...ha (rừng tự nhiên ...ha; rừng trồng ...ha).

- Rừng sản xuất: ...ha (rừng trồng ...ha).

b) Kế hoạch xây dựng phương án bảo vệ, phòng cháy và chữa cháy rừng

c) Kế hoạch phòng trừ sinh vật gây hại rừng

2. Kế hoạch phát triển rừng

a) Kế hoạch phát triển rừng phòng hộ

- Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên hoặc có trồng bổ sung;

- Làm giàu rừng;

- Trồng rừng mới, chăm sóc rừng.

b) Kế hoạch phát triển rừng sản xuất

- Phát triển rừng trồng

+ Lựa chọn loài cây trồng;

+ Sản xuất cây con;

+ Trồng rừng mới;

+ Trồng lại rừng sau khai thác;

+ Chăm sóc, nuôi dưỡng rừng trồng.

3. Khai thác lâm sản

a) Kế hoạch khai thác lâm sản rừng phòng hộ

- Khai thác tận dụng, tận thu gỗ.

- Khai thác gỗ rừng trồng.

- Khai thác lâm sản ngoài gỗ.

b) Kế hoạch khai thác lâm sản rừng sản xuất

- Khai thác lâm sản trong rừng sản xuất là rừng trồng.

+ Khai thác gỗ rừng trồng.

+ Khai thác tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng.

+ Khai thác lâm sản ngoài gỗ.

c) Những cơ sở và kỹ thuật xây dựng kế hoạch khai thác

- Xác định chu kỳ khai thác theo loài cây.

- Chọn đối tượng rừng đưa vào khai thác.

- Tỷ lệ lợi dụng gỗ, củi.

- Loại sản phẩm, quy cách sản phẩm.

- Kỹ thuật và công nghệ theo tiêu chuẩn khai thác tác động thấp.

- Xây dựng kế hoạch cho một chu kỳ: trình tự đưa các lô rừng vào khai thác bảo đảm ổn định trong chu kỳ, xác định cụ thể địa danh, diện tích, sản lượng khai thác.

d) Công nghệ khai thác: công nghệ sử dụng, kỹ thuật mở đường vận xuất, vận chuyển (chiều rộng đường, mật độ đường, cự ly giữa các tuyến), kỹ thuật khai thác, an toàn lao động theo kỹ thuật khai thác tác động thấp.

đ) Tổ chức khai thác, tiêu thụ sản phẩm

- Tự tổ chức khai thác hoặc bán cây đứng cho đơn vị khai thác
- Tiêu thụ gỗ (tiêu thụ trong tỉnh hoặc ngoài tỉnh), hoặc tự tổ chức chế biến

4. Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

a) Dự kiến các địa điểm, khu vực tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

b) Các phương thức tổ chức thực hiện bao gồm: tự tổ chức; liên kết với các tổ chức, cá nhân và cho tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

c) Khu vực dự kiến xây dựng, bố trí các công trình phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí

5. Sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp (áp dụng đối với rừng phòng hộ và rừng sản xuất)

a) Dự kiến khu vực tổ chức sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp, bao gồm: tên địa danh, diện tích, loài cây trồng, vật nuôi sản xuất nông lâm kết hợp

b) Dự kiến hình thức tổ chức sản xuất lâm, nông, ngư nghiệp kết hợp: chủ rừng tự tổ chức sản xuất; tổ chức, cá nhân nhận khoán ổn định sản xuất

6. Xây dựng hạ tầng phục vụ quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng

- Duy tu bảo dưỡng đường, tên tuyến, thời gian thực hiện;
- Mở đường mới, đường nhánh, tên tuyến, giá trị sử dụng, thời gian thực hiện;
- Hệ thống bãi gỗ, số lượng, địa điểm, diện tích (chỉ áp dụng cho rừng trồng phòng hộ và rừng sản xuất);
- Xây dựng các công trình phúc lợi (nếu có) như nhà làm việc, trạm quản lý bảo vệ, chòi canh, chỉ rõ mục đích, số lượng, thời gian thực hiện;
- Xây dựng vườn ươm, mục đích, địa điểm, diện tích, công suất, thời gian thực hiện;

7. Hoạt động dịch vụ cho cộng đồng

8. Hoạt động chi trả dịch vụ môi trường rừng, thuê môi trường rừng

9. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

10. Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, điều tra, kiểm kê rừng

11. Chế biến, thương mại lâm sản: vị trí nhà xưởng, công nghệ, thiết bị, máy móc, sản phẩm, thị trường tiêu thụ...

VI. NHU CẦU VỐN VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ

1. Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững

- a) Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững*
- b) Bảo vệ rừng*
- c) Phát triển rừng*
- d) Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí*
- đ) Ổn định dân cư*
- e) Xây dựng cơ sở hạ tầng*
- g) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, ...*

2. Nguồn vốn đầu tư

- a) Vốn tự có*
- b) Vốn liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư*
- c) Vốn vay các tổ chức tín dụng*
- d) Ngân sách nhà nước (nhiệm vụ công ích...)*
- đ) Dịch vụ môi trường rừng*
- e) Khai thác lâm sản*
- g) Các nguồn khác....*

VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

- 1. Giải pháp về công tác quản lý, nguồn nhân lực**
- 2. Giải pháp về phối hợp với các bên liên quan**
- 3. Giải pháp về khoa học, công nghệ**
- 4. Giải pháp về nguồn vốn, huy động nguồn vốn đầu tư**
- 5. Giải pháp về thị trường**
- 6. Giải pháp khác**

VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN

1. Hiệu quả về kinh tế

- a) Giá trị sản phẩm thu được.*
- b) Sản phẩm từ các hoạt động lâm sinh.*
- c) Tăng vốn rừng (tăng về diện tích, trữ lượng rừng trồng).*
- d) Giá trị kinh tế thu từ các dịch vụ: cây con, môi trường rừng, chế biến, thương mại lâm sản, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí ...vv*

2. Hiệu quả về xã hội

Đối tượng bị tác động và mức độ ảnh hưởng, bao gồm cả tác động tích cực và tác động tiêu cực (giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, tăng thu nhập của người dân, nâng cao năng lực, đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng)

3. Hiệu quả về môi trường

Tiên lượng các tác động tích cực, tiêu cực đối với môi trường, về bảo tồn đa dạng sinh học và các mẫu sinh thái có giá trị bảo tồn; tăng độ che phủ của rừng, phát triển các loài cây bản địa, tác dụng của việc bảo vệ các khu vực loại trừ và thực hiện khai thác tác động thấp./.

Phần 2: PHỤ LỤC

Phụ lục 01	Thống kê dân sinh, kinh tế - xã hội
Phụ lục 02	Hiện trạng các công trình hạ tầng về giao thông
Phụ lục 03	Thống kê hiện trạng sử dụng đất của chủ rừng theo đơn vị hành chính cấp xã
Phụ lục 04	Thống kê hiện trạng rừng năm 2019
Phụ lục 05	Thống kê trữ lượng các loại rừng năm 2019
Phụ lục 06	Danh mục các loài thực vật rừng chủ yếu
Phụ lục 07	Danh mục các loài thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
Phụ lục 08	Danh mục các loài động vật rừng chủ yếu
Phụ lục 09	Danh mục các loài động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm
Phụ lục 10	Tổng hợp kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030
Phụ lục 11	Tổng hợp kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2030
Phụ lục 12	Tổng hợp kế hoạch khai thác lâm sản giai đoạn 2021- 2030
Phụ lục 13	Tổng hợp kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030